

Số: 435 /TB-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**THÔNG BÁO**  
**KẾ HOẠCH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2022**

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2022 đợt 1 như sau:

**1. Phương thức tuyển sinh và thời gian tuyển sinh**

- Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển kết hợp với xét tuyển.
- Thời gian tuyển sinh đợt 1: ngày 21-22/5/2022.

**2. Môn xét tuyển; Ngành đào tạo**

**2.1. Môn xét tuyển**

Môn xét tuyển được lựa chọn là 01 học phần quan trọng trong các học phần bắt buộc của môn Cơ sở và môn Chủ chốt theo yêu cầu của ngành đào tạo để đánh giá kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học của người dự tuyển (Xem danh sách các học phần đính kèm thông báo này).

**2.2. Môn thi tuyển: Tiếng Anh (trừ ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh)**

a) Môn tiếng Anh có dạng thức đề thi đảm bảo xác định được trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b) Người thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn Tiếng Anh:

Người dự tuyển được miễn thi điều kiện chuẩn đầu vào khi đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Cụ thể, người dự tuyển phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (ít nhất 75% tổng số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài).

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo của ĐHTN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.



Văn bằng và bảng điểm đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **2.3. Môn thi Ngoại ngữ (ngoại ngữ 2) tuyển sinh ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh**

a) Người đăng kí dự tuyển chọn và đăng kí dự thi 01 ngôn ngữ trong các ngôn ngữ sau (không trùng với ngôn ngữ thuộc ngành đăng kí dự tuyển): Trung Quốc, Nga, Pháp.

b) Người thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

Người dự tuyển được miễn thi điều kiện chuẩn đầu vào ngoại ngữ khi đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung, tiếng Nhật. Cụ thể, người dự tuyển phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài (ít nhất 75% tổng số tín chỉ được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài).

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHTN hoặc đơn vị đào tạo của ĐHTN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Văn bằng và bảng điểm đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản xác nhận văn bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **3. Đối tượng và điều kiện dự thi**

### **3.1. Về văn bằng**

a) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng/ngành phù hợp tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. Công bố khoa học được quy định cụ thể như sau:

+ Là tác giả chính của ít nhất 01 báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,5 trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo có chỉ số ISBN do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành;



+ Là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

b) Nếu có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần thì cần học bổ sung chương trình kiến thức để đạt trình độ tương đương.

c) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng (trước đây là Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

### **3.2. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác chuyên môn**

a) Các đối tượng được đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngay sau khi tốt nghiệp đại học ghi trong bảng dưới đây:

TT	Điều kiện được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học	
	Ngành; loại hình đào tạo	Kết quả - Xếp loại
1	Ngành đúng/ngành phù hợp	Tốt nghiệp đại học

b) Đối tượng dự thi ngành Quản lý giáo dục phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

### **3.3. Có lý lịch rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan có thẩm quyền hoặc phường, xã nơi cư trú xác nhận.**

a) Có đủ sức khỏe để học tập. Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, thủ trưởng CSGDĐHTV tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh.

b) Nộp hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển và lệ phí dự thi đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

## **4. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

### **4.1. Đối tượng ưu tiên**

Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành (căn cứ trên quyết định tiếp nhận/ điều động, biệt phái công tác của CQ có thẩm quyền); ii) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; iii) Con liệt sĩ; iv) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; v) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở Khu vực 1 theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; vi) Con đẻ của người hoạt



động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực do hậu quả của chất độc hoá học.

Người được ưu tiên cần nộp vào hồ sơ dự tuyển giấy tờ hợp lệ xác nhận thuộc đối tượng ưu tiên.

#### 4.2. Mức ưu tiên

Thí sinh diện ưu tiên (kể cả thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn tiếng Anh hoặc môn ngoại ngữ 2 (nếu phải thi điều kiện ngoại ngữ đầu vào) và cộng 1,0 điểm (thang điểm 10) vào kết quả điểm môn Cơ sở được lựa chọn để xét tuyển.

#### 5. Hồ sơ đăng kí dự tuyển, thời gian nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển

Người có nguyện vọng dự tuyển liên hệ nhận Hồ sơ đăng ký dự tuyển tại:

Phòng Đào tạo, Trường Đại học Sư phạm:

Số 20 đường Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên

Điện thoại liên hệ: 0208.3855.785 (trong giờ hành chính).

Thông tin tuyển sinh chi tiết xem trên website: <http://www.tnue.edu.vn>.

Người học kê khai, xác nhận, hoàn chỉnh hồ sơ và nộp đúng thời hạn; Tham gia lớp học bổ sung kiến thức (nếu thuộc diện phải học). Trong và sau kì thi tuyển, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên không nhận bổ sung, thay đổi về bất kì nội dung nào của Hồ sơ đăng kí dự tuyển.

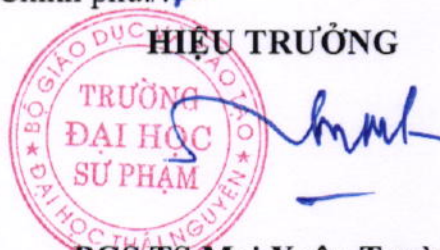
- Thời gian nhận hồ sơ đợt 1: Từ ngày 31/3/2022 đến hết ngày 06/5/2021.

- Lệ phí đăng ký và lệ phí thi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ghi chú: Mức thu học phí được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ. /.

Nơi nhận: *Quỹ*

- ĐHTN (đề b/c);
- Website;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, ĐT (3).



PGS.TS Mai Xuân Trường



# DANH MỤC CÁC HỌC PHẦN MÔN CƠ BẢN VÀ MÔN CHỦ CHỐT

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 435 /TB-ĐHSP ngày 31 tháng 3 năm 2022 của  
 Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

TT	Ngành đào tạo	Môn Xét tuyển	
		Cơ bản	Chủ chốt
1	Toán giải tích	1. Giải tích 2. Giải tích 1 3. Giải tích 2 4. Giải tích 3 5. Tập hợp và Logic Toán 6. Đại số tuyến tính 7. Hoặc các học phần tương đương	1. Không gian mêtric và không gian tôpô 2. Giải tích hàm 3. Giải tích phức 4. Phương trình vi phân 5. Hoặc các học phần tương đương
2	Đại số và lý thuyết số	1. Giải tích 2. Giải tích 1 3. Giải tích 2 4. Giải tích 3 5. Tập hợp và Logic Toán 6. Đại số tuyến tính 7. Hoặc các học phần tương đương	1. Đại số hiện đại (Đại số đại cương) 2. Đại số hiện đại 1 3. Đại số hiện đại 2 (Vành đa thức và môđun) 4. Lý thuyết số (Số học) 5. Không gian mêtric và không gian tôpô 6. Hoặc các học phần tương đương
3	LL&PPDH bộ môn Toán	1. Giải tích 2. Giải tích 1 3. Giải tích 2 4. Giải tích 3 5. Tập hợp và Logic Toán 6. Đại số tuyến tính 7. Hoặc các học phần tương đương	1. Lý luận dạy học bộ môn toán 2. Phương pháp giảng dạy đại cương 3. Dạy học Đại số 4. Đại số sơ cấp 5. Dạy học Hình học 6. Hình học sơ cấp

TT	Ngành đào tạo	Môn Xét tuyển	
		Cơ bản	Chủ chốt
			7. Hoặc các học phần tương đương
4	Hóa vô cơ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hóa phi kim</li> <li>Hóa vô cơ 1</li> <li>Hóa Kim loại</li> <li>Hóa vô cơ 2</li> <li>Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hóa đại cương 1</li> <li>Hóa học cấu tạo chất</li> <li>Hóa đại cương 2</li> <li>Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học</li> <li>Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>
5	Hóa phân tích	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hóa học phân tích 1</li> <li>Cơ sở lý thuyết hóa học phân tích</li> <li>Hóa học phân tích định tính</li> <li>Hóa học phân tích 2 Hóa học phân tích định lượng.</li> <li>Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hóa đại cương 1</li> <li>Hóa học cấu tạo chất</li> <li>Hóa đại cương 2</li> <li>Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học</li> <li>Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>
6	Hóa hữu cơ	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hóa hữu cơ 1</li> <li>Đại cương về hóa hữu cơ và Hydrocarbon</li> <li>Hóa hữu cơ 2</li> <li>Dẫn xuất Hydrocarbon</li> <li>Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ</li> <li>Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Hóa đại cương 1</li> <li>Hóa học cấu tạo chất</li> <li>Hóa đại cương 2</li> <li>Cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học</li> <li>Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>
7	Di truyền học	1. Sinh học tế bào	1. Di truyền học
8	Sinh học thực nghiệm	2. Tế bào học	2. Di truyền – Tiến hóa
9	Sinh thái học	3. Thực vật học	3. Sinh lý học thực vật
10	LL&PPDH BM	4. Động vật học	4. Sinh lý học động vật
		5. Sinh học	5. Sinh hóa



TT	Ngành đào tạo	Môn Xét tuyển	
		Cơ bản	Chủ chốt
	Sinh học	6. Sinh học đại cương 7. Hoặc các học phần tương đương	6. Sinh thái 7. Hoặc các học phần tương đương
11	Văn học Việt Nam	1. Tác phẩm và thể loại văn học 2. Văn học dân gian Việt Nam 3. Tổng quan văn học Việt Nam trung đại 4. Hoặc các học phần tương đương	1. Tổng quan văn học Việt Nam hiện đại 2. Tác gia VHVN giai đoạn từ 1900 đến 1945. 3. Tác gia VHVN giai đoạn từ 1945 đến nay. 4. Hoặc các học phần tương đương
12	Ngôn ngữ Việt Nam	1. Cơ sở ngôn ngữ học 2. Phương pháp nghiên cứu KH ngữ văn 3. Cơ sở Văn hóa Việt Nam 4. Hoặc các học phần tương đương	1. Ngữ âm – Từ vựng tiếng Việt 2. Ngữ pháp tiếng Việt 3. Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt 4. Hoặc các học phần tương đương
13	Lịch sử Việt Nam	1. Lịch sử văn minh 2. Dân tộc học 3. Lịch sử thế giới hiện đại 4. Hoặc các học phần tương đương	1. Lịch sử Việt Nam hiện đại 2. Lịch sử Việt Nam cận đại 3. Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại 4. Hoặc các học phần tương đương
14	LL&PPDH BM Địa lý	1. Lý luận dạy học Địa lí 2. Địa lí kinh tế xã hội đại cương 3. Triết học Mác - Lê nin 4. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin 5. Hoặc các học phần tương đương	1. Phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông 2. Địa lí Tự nhiên Việt Nam 3. Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 4. Hoặc các học phần tương đương

TT	Ngành đào tạo	Môn Xét tuyển	
		Cơ bản	Chủ chốt
		đương	
15	Địa lý học (Địa lý KTXH)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Địa lí kinh tế xã hội đại cương</li> <li>2. Lí luận dạy học Địa lí</li> <li>3. Triết học Mác - Lê nin</li> <li>4. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin</li> <li>5. Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam</li> <li>2. Địa lí kinh tế xã hội thế giới</li> <li>3. Địa lí Tự nhiên Việt Nam</li> <li>4. Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>
16	Quản lý giáo dục	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giáo dục học</li> <li>2. Lý luận dạy học</li> <li>3. Lý luận giáo dục</li> <li>4. Giáo dục học đại cương</li> <li>5. Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Triết học</li> <li>2. Triết học Mác – Lênin</li> <li>3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin</li> <li>4. Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>
17	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non</li> <li>2. PP cho trẻ làm quen với TP văn học</li> <li>3. Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non</li> <li>4. Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giáo dục học mầm non</li> <li>2. Phát triển chương trình giáo dục mầm non</li> <li>3. Tâm lí học mầm non</li> <li>4. Hoặc các học phần tương đương</li> </ol>
18	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Toán học 1</li> <li>2. Toán học 2</li> <li>3. Cơ sở Toán học</li> <li>4. Cơ sở Toán học của môn Toán ở Tiểu học</li> <li>5. Cơ sở Tiếng Việt</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1</li> <li>2. Phương pháp dạy học Tiếng Việt 2</li> <li>3. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1</li> </ol>



TT	Ngành đào tạo	Môn Xét tuyển	
		Cơ bản	Chủ chốt
		<ul style="list-style-type: none"> <li>6. Tiếng Việt</li> <li>7. Cơ sở Việt ngữ của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học</li> <li>8. Hoặc các học phần tương đương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>4. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2</li> <li>5. Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1</li> <li>6. Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2</li> <li>7. Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học</li> <li>8. Phương pháp dạy học Toán tiểu học 1</li> <li>9. Hoặc các học phần tương đương</li> </ul>
19	LL&PPDH BM Giáo dục thể chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Sinh lí TĐTT (Vệ sinh và Y học Thể dục thể thao)</li> <li>2. Quản lý Thể dục thể thao thành tích cao (Quản lí Thể dục thể thao quần chúng)</li> <li>3. Phương pháp NCKH và Đo lường TT</li> <li>4. Giáo dục học (TĐTT)</li> <li>5. Tâm lí học (TĐTT)</li> <li>6. Triết học Mác – Lê nin</li> <li>7. Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin</li> <li>8. Hoặc các học phần tương đương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Lí luận và phương pháp Giáo dục thể chất (Lí luận và phương pháp TĐTT)</li> <li>2. Học thuyết huấn luyện</li> <li>3. Phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao</li> <li>4. Lí luận phương pháp GDTC trường học</li> <li>5. Lịch sử TĐTT</li> <li>6. Quản lí Thể dục thể thao</li> <li>7. Phương pháp dạy học môn GDTC trong trường PT</li> <li>8. Hoặc các học phần tương đương</li> </ul>
20	LL&PPDH BM Lý luận chính trị	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Tư tưởng Hồ Chí Minh</li> <li>2. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</li> <li>3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Triết học</li> <li>2. Triết học Mác – Lênin</li> <li>3. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin</li> <li>4. Hoặc các học phần tương đương</li> </ul>



TT	Ngành đào tạo	Môn Xét tuyển	
		Cơ bản	Chủ chốt
		4. Pháp luật học 5. Pháp luật đại cương 6. Hoặc các học phần tương đương	đương
21	Vật lý chất rắn	1. Toán cho Vật lý 2. Đại số 3. Giải tích 1 4. Toán cao cấp 5. Hoặc các học phần tương đương	1. Cơ học lượng tử 2. Vật lý đại cương 1 3. Kỹ thuật điện 4. Hoặc các học phần tương đương
22	LL&PPDH bộ môn Vật lý	1. Cơ học 2. Đại số 3. Giải tích 1 4. Toán cho vật lý 5. Toán cao cấp 6. Hoặc các học phần tương đương	1. Lý luận dạy học Vật lý ở trường PT 2. Vật lý đại cương 1 3. Kỹ thuật điện 4. Hoặc các học phần tương đương
23	LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh	1. Viết 1 2. Viết 2 3. Đọc 1 4. Đọc 2 5. Đọc – Viết 6. Tiếng Anh 7. Hoặc các học phần tương đương	1. Lý luận và PP dạy học (tiếng Anh) 2. PP giảng dạy tiếng Anh 3. Ngữ âm (học) 4. Hoặc các học phần tương đương

\* Nếu bảng điểm của thí sinh không có học phần trong danh mục, mà chỉ có tên học phần gần giống, hội đồng xét tuyển sẽ xem xét học phần đấy có tương đương hay không.